

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH N**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HSST
Ngày 31 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông VÕ QUANG TRUYỀN - Giáo viên trường Tiểu học thị trấn H.

2/ Ông TRẦN THẾ PHONG - Cán bộ Liên đoàn lao động thị xã H.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông
HỒ CHÍ DỪNG - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm
2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7
năm 2020 **đối với các bị cáo:**

1. Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG K (Búa)**, sinh ngày 04/3/2003 tại tỉnh N; nơi
đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Số nhà 16/1, Tổ 8**, ấp Trường T,
xã Trường H, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: học sửa xe mô tô; trình độ văn hóa: 9/12;
quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam, con ông Nguyễn
Văn Q, sinh năm 1973 và bà Trần Thị L, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền
án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng K:***

- Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1973 (là cha của bị cáo, có mặt)

- Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1971 (là mẹ của bị cáo, có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 16/1, Tổ 8, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H, tỉnh N.

**** Người bào chữa cho bị cáo K:*** Bà **Nguyễn Thị Hiền** là trợ giúp viên pháp lý
của T1 tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N - (có mặt).

2. Họ và tên: **NGÔ THÙY D (Nhí)**, sinh ngày 22/6/1997 tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Số nhà B1/94^B, Tổ 4**, khu phố Long T, phường Long Thành T1, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: nữ, con ông Ngô Văn N, sinh năm 1972 (chết) và bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1973; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN P (Mới)**, sinh ngày 12/01/1999 tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Số nhà 12/3^A, Tổ 15**, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: nam, con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Cao Thị K, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **TRẦN MINH T**, sinh ngày 08/12/2002 tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Số nhà 46/7^D, Tổ 17 (số mới 03, Hẻm 48, đường Nguyễn Văn Linh)**, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam, con ông Trần Văn T1, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Minh T:*

- Ông **Trần Văn T1**, sinh năm 1970 (là cha của bị cáo, có mặt)

- Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1975 (là mẹ của bị cáo, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 46/7^D, Tổ 17 (**số mới 03, Hẻm 48, đường Nguyễn Văn Linh**), ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H, tỉnh N.

** Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà **Nguyễn Thị Sơn Trang** là trợ giúp viên pháp lý của T1 tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N - (có mặt).

5. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC T1**, sinh ngày 19/4/2003 tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: **Số nhà 2/6^B**, ấp Trường L, xã Trường T, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam, con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức T1:*

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972 (là cha của bị cáo, vắng mặt)

- Bà **Dương Thị Kim L**, sinh năm 1975 (là mẹ của bị cáo, có mặt)

Cùng địa chỉ: **Số nhà 2/6^B**, ấp Trường L, xã Trường T, thị xã H, tỉnh N.

* *Người bào chữa cho bị cáo T*: Ông **Trần Thế Hòa Bình** là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N - (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Ngô Thùy D với Lưu Minh Luân, sinh năm 2001 ngụ ấp Bình T1, xã Bình Minh, thành phố N, tỉnh N nên khoảng 22 giờ ngày 24/9/2019, khi đang uống rượu, bia cặp hông nhà Nguyễn T1 Khánh tại ấp Trường T, xã Trường H, huyện H (nay là thị xã H), Lê Trương Minh Hải rủ Nguyễn Hoàng K, Trần Minh T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Văn P và Ngô Thùy D đi tìm Luân để đánh trả thù, tất cả đều đồng ý. Sau đó, D điện thoại cho người tên Thành (là bạn bè qua facebook) và được Thành cho biết Luân sẽ tham gia đưa xe trên đường Nguyễn Văn Linh đoạn thuộc xã Trường T, huyện H. Lúc này, K điều khiển xe mô tô biển số 70G1-398.62 chở Hải đến khu vực gần Trường T1 học cơ sở Long Thành Bắc lấy 06 đoạn cây tầm vong tươi (cây ngắn nhất 1,22m; dài nhất 1,5m; đường kính từ 03cm đến 3,5cm; trọng lượng từ 0,84kg đến 1,1kg) đem lại nơi nhậu, trên mỗi cây tầm vong, Hải dùng gạch tàu đóng 07 cây đinh thẳng hàng và để phần đinh nhô ra cao T1 bình khoảng 02cm nhằm tăng sát thương khi đánh. Khi K và Hải chuẩn bị hung khí thì tất cả đều nhìn thấy và đồng lòng, nên không ai can ngăn. Chuẩn bị xong, cả nhóm mang theo hung khí ra sân bóng gần đó ngồi chờ đến khoảng 02 giờ ngày 25/9/2019, sau khi nghe Tg đưa xe, K điều khiển xe mô tô biển số 70G1-398.62 chở Hải cầm 02 cây tầm vong đi trước, tiếp đó P điều khiển xe mô tô biển số 70G1-736.56 chở T cầm 02 cây tầm vong và T điều khiển xe mô tô biển số 70GA-032.62 chở D cầm theo 01 cây tầm vong (01 cây để lại) đi tìm Luân. Khi đến đầu hẻm 43, đường Nguyễn Văn Linh, thuộc ấp Trường L, xã Trường T, huyện H, do nghĩ trong nhóm đang đưa xe có Luân nên Hải xuống xe, cầm 01 cây tầm vong đuổi đánh thì bị Trần Nguyễn Thanh Tâm dùng dao đâm nhiều cái trúng hông phải. Khi cất xe xong, K quay lại phát hiện Hải bị thương nặng nên đưa đi cấp cứu. Đối với T, T1, P, D, khi đến đầu đường Nguyễn Văn Linh nhưng không gặp Hải, K và thấy đông người nên đã giấu hung khí đứng xem đưa xe, sau đó cùng đến bệnh viện Cao Văn Chí với Hải và K. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, Hải tử vong nên tất cả được đưa đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N để làm việc.

Đối với hành vi của Trần Nguyễn Thanh Tâm đâm Lê Trương Minh Hải tử vong đã được xử lý về tội “Giết người” trong vụ án khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKSHT ngày 22 tháng 5 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Đức T1, Trần Minh T, Ngô Thùy D về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Đức T1, Trần Minh T, Ngô Thùy D về tội: “*Cố ý gây thương tích*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thùy D từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo K:** Thừa nhận hành vi của bị cáo K là phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K:** Hành vi của bị cáo K đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, là đồng phạm gián đơn, vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức chưa đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ.

*** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo T:** Thừa nhận hành vi của bị cáo T là phạm tội.

*** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T:** Thống nhất với tội danh “*Cố ý gây thương tích*” mà Viện kiểm sát đã truy tố; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

*** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo T:** Thừa nhận hành vi của bị cáo T là phạm tội.

*** Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T1:** Hành vi của bị cáo T1 đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà Viện kiểm sát đã nêu. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều

51 của Bộ luật hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 59 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt cho bị cáo T1.

** Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo đều ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 22 giờ ngày 24/9/2019, tại ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H, tỉnh N, các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Trần Minh T, Nguyễn Đức T1, Ngô Thùy D đã chuẩn bị 06 đoạn cây tầm vong, trên mỗi cây đóng 07 cây đinh theo hàng dọc, để nhô ra ngoài cao khoảng 02cm là hung khí nguy hiểm đi tìm đánh gây thương tích cho Lưu Minh Luân, nhưng do thấy đông người, không thấy Luân và có người trong nhóm bị đâm trọng thương nên không đánh được là do trở ngại khách quan.

Hành vi của các bị can Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Trần Minh T, Nguyễn Đức T1, Ngô Thùy D là nguy hiểm cho xã hội, đã chuẩn bị hung khí nguy hiểm nhằm xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố các bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo:

Trong vụ án này, Lê Trương Minh Hải là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên Hải đã tử vong do bị Trần Nguyễn Thanh Tâm dùng dao đâm, nên không xem xét đối với hành vi của Hải. Các bị cáo K, P, T, T, D đồng phạm với vai trò giúp sức nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc chặt chẽ để thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đối với bị cáo K là người giúp sức tích cực cho Hải chuẩn bị hung khí nguy hiểm để cùng đồng bọn sử dụng nhằm gây thương tích cho người khác, nên bị cáo K phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo P, T, T, D có vai trò như nhau nên chịu mức hình phạt bằng nhau, tuy nhiên do bị cáo D và bị cáo P là người đã thành niên nên hai bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo T và T là người chưa thành niên. Do

đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Ngô Thùy D có ông ngoại là Nguyễn Văn Lang tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bà ngoại là D Thị Hoa tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, do đó bị cáo D còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo K, T, T phạm tội khi ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ, nên các bị cáo được hưởng những tình tiết có lợi cho người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Bị cáo P và bị cáo D không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, nên được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng. Các bị cáo K, T, T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không khấu trừ thu nhập.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chưa gây thiệt hại nên không đặt ra giải quyết.

* Xử lý vật chứng:

- 01 đoạn tầm vông, kích thước dài 1,50 mét; 01 đoạn tầm vông, kích thước dài 1,22 mét; 01 đoạn tầm vông, kích thước dài 1,46 mét; 01 đoạn tầm vông, kích thước dài 1,26 mét; trên đầu lớn của mỗi đoạn tầm vông đều có đóng 07 cây đinh thẳng hàng; 01 (một) tấm gạch tàu bể, kích thước dài 0,21 mét, ngang nơi rộng nhất 1,16 mét, phần hẹp nhất 0,03 mét, dày 0,02 mét, là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô biển số 70GA-032.62 không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D.

Quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo K, T là có cơ sở chấp nhận. Riêng Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 59 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt cho bị cáo T là không có căn cứ chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng K (Búa), Nguyễn Văn P (Mối), Nguyễn Đức T1, Trần Minh T, Ngô Thùy D (Nhí) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1.1 Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K **12 (M hai) tháng** cải tạo không giam giữ.

1.2 Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P **18 (M tám) tháng** cải tạo không giam giữ.

1.3 Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 09 **(chín) tháng** cải tạo không giam giữ.

1.4 Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 09 **(chín) tháng** cải tạo không giam giữ.

1.5 Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thùy D **15 (M lăm) tháng** cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo K, P, T, T, D tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trường H, Ủy ban nhân dân xã Trường T và Ủy ban nhân dân phường Long Thành T1 được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Trần Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Trường H, thị xã H, tỉnh N để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trường H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã Trường T, thị xã H, tỉnh N để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Ngô Thùy D cho Ủy ban nhân dân phường Long Thành T1, thị xã H, tỉnh N để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Long Thành T1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Nguyễn Văn P, Ngô Thùy D.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Đức T1, Trần Minh T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 đoạn tầm vòng, kích thước dài 1,50 mét; 01 đoạn tầm vòng, kích thước dài 1,22 mét; 01 đoạn tầm vòng, kích thước dài 1,46 mét; 01 đoạn tầm vòng, kích thước dài 1,26 mét, trên đầu lớn của mỗi đoạn tầm vòng đều có đóng 07 cây đinh thẳng hàng.

+ 01 (một) tấm gạch tàu bể, kích thước dài 0,21 mét, ngang nơi rộng nhất 1,16 mét, phần hẹp nhất 0,03 mét, dày 0,02 mét.

- **Trả lại cho bị cáo D:** 01 (một) xe mô tô biển số 70GA-032.62; số máy: VDEJQ139FMB603419, số khung: RPEKCB4PEGA603419, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đỏ - trắng, đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Đức T1, Trần Minh T, Ngô Thùy D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo và **những người tham gia tố tụng biết** được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND thị xã H;
- Công an thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- UBND xã Trường H;
- UBND xã Trường T;
- UBND phường Long Thành T1;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).